TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG A

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2022/DS-ST
Ngày: 21-6-2022
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T, TỈNH LONG A

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc A.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Minh T.
2. Bà Trần Thị Kham L.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hiếu L - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long A

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam
Địa chỉ: số 169, phố Linh Đ, Hoàng L, Hoàng M, Hà N;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc
Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Trọng T – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Tân T (theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam).

2. *Bị đơn*: bà Đặng Thị T, sinh năm 1980
ông Bùi Văn T1, sinh năm 1976
Nơi cư trú: ấp Nguyễn T, xã Nhơn Hòa L, huyện Tân T, tỉnh Long A.
(Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời trình bày tại Tòa án của nguyên đơn như sau:

Ông Bùi Văn T1 và bà Đặng Thị T có vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân T, cụ thể như sau:

Ngày 14/7/2009, bà Đặng Thị T đứng tên vay vốn chương trình Cho vay nhà ở cụm tuyến dân cư theo mã món vay số 66000005400121136, số tiền 9.000.000 đồng, lãi suất 0,25%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng 14/9/2019.

Ngày 14/8/2009, bà Đặng Thị T là người đứng tên vay vốn chương trình Nền nhà cụm tuyến dân cư theo mã món vay số 66000005400121134, số tiền 10.000.000 đồng, lãi 0%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng 14/8/2019.

Ngày 19/01/2017, bà Đặng Thị T là người đứng tên vay vốn chương trình Cho vay hộ cận nghèo theo mã món vay số 6600000709292153, số tiền 15.000.000 đồng, lãi 0,66%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng 19/01/2020.

Bà Đặng Thị T thực hiện đóng lãi và gốc không đầy đủ, không đúng hạn theo cam kết với Ngân hàng Chính sách.

Do đó, Ngân hàng Chính sách xã hội yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị T và ông Bùi Văn T1 liên đới chịu trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách số tiền gốc 34.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Bị đơn: bà Đặng Thị T và ông Bùi Văn T1 đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đến nay vẫn không nộp văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án

Tại phiên tòa: Nguyên đơn yêu cầu yêu cầu bà Đặng Thị T và ông Bùi Văn T1 liên đới trả số tiền vay gồm: nợ gốc 34.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử (21/6/2022) là 387.838 đồng và yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi phát phát sinh cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại ấp Nguyễn T, xã Nhơn Hòa L, huyện Tân T, tỉnh Long A. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Tân T theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa bị đơn bà Đặng Thị T và ông Bùi Văn T1 vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn theo qui định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

. [3] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn Đặng Thị T có vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội– Phòng giao dịch huyện Tân T, ông Bùi Văn T1 là chồng của bà T là người thừa kế. Bà T vay 03 khoản gồm:

Ngày 14/7/2009, vay vốn chương trình Cho vay nhà ở cụm tuyến dân cư theo mã món vay số 66000005400121136, số tiền 9.000.000 đồng, lãi suất 0,25%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng 14/9/2019. Tiền lãi phải trả là 1.479 đồng.

Ngày 14/8/2009, vay vốn chương trình Nền nhà cụm tuyến dân cư theo mã món vay số 66000005400121134, số tiền 10.000.000 đồng, lãi 0%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng 14/8/2019.

Ngày 19/01/2017, vay vốn chương trình Cho vay hộ cận nghèo theo mã món vay số 6600000709292153, số tiền 15.000.000 đồng, lãi 0,66%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng 19/01/2020. Tiền lãi phải trả là 386.359 đồng.

Hợp đồng giữa các bên đương sự ký kết dựa trên cơ sở tự nguyện, hợp đồng có nêu rõ về mức về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn vay, lãi suất, thời gian trả nợ gốc và lãi, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay, bên vay... đúng theo quy đinh tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Xét thấy, bà T và ông T1 được ưu tiên vay tiền của Ngân sách xã hội nhưng đã vi phạm hợp đồng vay, không thanh toán gốc và lãi đúng thỏa thuận. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để đảm bảo thu hồi nợ của Nhà nước theo quy định của pháp luật. Cần buộc bà T và ông T1 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền nợ gốc là 34.000.000 đồng và tiền lãi tính đến 21/6/2022 là 387.838 đồng. Ngoài ra, bà T và ông T1 còn có nghĩa vụ trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng vay cho đến khi trả xong khoản nợ gốc theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Bị đơn thuộc diện hộ cận nghèo tại thời điểm vay tiền, tuy nhiên, hiện nay bị đơn vắng mặt, không có cơ sở xác định hiện nay bị đơn còn

thuộc diện hộ cận nghèo hay không và cũng không có đơn đề nghị xét miễn án phí nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Các điều 288, 463, 466, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Buộc bà Đặng Thị T và ông Bùi Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (Thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân T) số tiền gốc là 34.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 21/6/2022 là 387.838 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi phải trả là 34.387.838đ (Ba mươi bốn triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Đặng Thị T và ông Bùi Văn T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không phải chịu án phí.

Bà Đặng Thị T và ông Bùi Văn T1 có nghĩa vụ liên đới chịu 1.719.392đ (Một triệu bảy trăm mười chín nghìn ba trăm chín mươi hai đồng) án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- TAND tỉnh Long A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc A